TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2019
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Ngọc Cẩm Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Thanh Long

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Huê

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tham gia phiên tòa***: Bà La Thị Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Đức M**, sinh năm 1983. Có mặt

Nơi cư trú: Số 66 đường Đ, Phường B, Quận T, Thành phố H.

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Minh T**, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 189 ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2019 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Dương Đức M trình bày:

Chị và anh T quen biết nhau và cưới nhau vào năm 2010 hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 23/6/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc tại địa chỉ số 189 ấp 1, xã A K, huyện C, tỉnh B và có với nhau được một con chung nhưng sau đó giữa năm

2012 thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh T lo cờ bạc không chăm lo gì cho vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do đó, từ giữa năm 2011 chị đã ẵm con về nhà cha mẹ chị tại địa chỉ số 66 đường Đ, Phường B, Quận T, thành phố H sinh sống và ly thân với anh T cho đến nay. Từ khi chị về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay thì anh T cũng có tới lui thăm con, mỗi tháng khoảng 01 lần, tuy nhiên thời gian gần đây thì anh T ít lên thăm con. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Quá trình hôn nhân anh chị có một con chung tên Huỳnh Gia Đ, sinh ngày 05/10/2010. Hiện con chung đang sống chung với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn với anh T, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có.

Anh Huỳnh Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Đức M đối với anh Huỳnh Minh T. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Gia Đ, sinh ngày 05/10/2010 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Dương Đức M có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Huỳnh Minh T cư trú tại số 189 ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh B. Xét thấy, đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Minh T đã được Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị M và anh T cưới nhau vào năm 2010 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 23/6/2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị M và anh T chung sống hạnh phúc tại địa chỉ số 189 ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh B nhưng sau đó vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, anh T thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho vợ con nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Từ đó hai bên không quan tâm nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đến giữa năm 2011 chị M đã ẵm con về nhà mẹ ruột sinh sống và anh chị đã ly thân giữa năm 2011 cho đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân của chị M và anh T thực tế là có mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, anh T cờ bạc, không chăm lo gì cho vợ con, vợ chồng thường xuyên hay cự cãi. Do đó, đến giữa năm 2011 chị M đã ẵm con về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân với anh T cho đến nay. Xét thấy, trong khoảng thời gian chị M và anh T ly thân cũng là khoảng thời gian để anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh chị vẫn không hàn gắn được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Tại phiên tòa, chị M xác định không còn tình cảm với anh T và kiên quyết xin ly hôn với anh T, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt, điều đó cho thấy anh T đã bỏ mặc hôn nhân của anh chị cũng như từ bỏ cơ hội để hàn gắn đoàn tụ với chị M.

Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 16/4/2019 và biên bản làm việc ngày 09/5/2019 đều thể hiện hôn nhân giữa chị M và anh T thực tế là có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có cờ bạc, anh T không chăm lo cho vợ con, hai bên thường xuyên cãi nhau nên chị M đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ giữa năm 2011 cho đến nay và hiện tại hai bên không còn quan tâm gì nhau.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: Có một con chung tên Huỳnh Gia Đ, sinh ngày 05/10/2010, sau khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi chị M và anh T ly thân đến nay thì cháu Đ là do chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, điều kiện phát triển và học tập của cháu Đ là tốt. Mặt khác, từ khi chị M nộp đơn ly hôn đến nay anh T cũng ít tới lui thăm con, điều đó cho thấy anh T không quan tâm chăm sóc đến con chung. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 16/4/2019 thì cháu Đ xác định nếu chị M và anh T ly hôn thì cháu có

nguyện vọng sống chung với chị M. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Đ cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ. Tuy nhiên, chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của chị M nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của chị M được chấp nhận nên chị M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 227, 262, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Đức M đối với bị đơn anh Huỳnh Minh T. Cho chị Dương Đức M được ly hôn với anh Huỳnh Minh T.

Ghi nhận chị Dương Đức M không yêu cầu anh Huỳnh Minh T cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Gia Đ, sinh ngày 05/10/2010 cho chị Dương Đức M được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Dương Đức M không yêu cầu anh Huỳnh Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Minh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau này một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Dương Đức M chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

001171 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị M đã nộp đủ án phí.

Chị Dương Đức M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Minh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Ngọc Cẩm Sơn